

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIGGOLD VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIGGOLD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIGGOLD.,JSC

Tên công ty viết tắt: VIET NAM BIGGOLD INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108227461

**3. Ngày thành lập:** 10/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 23 ngõ 1 phố Thọ Lão, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912348780

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                    | 5210     |
| 2.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                   | 4933     |
| 3.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                           | 5629     |
| 4.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.                                                             | 5630     |
| 5.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                         | 7710     |
| 6.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                 | 7911     |
| 7.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                          | 7912     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 3, Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013) | 8299     |
| 9.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                 | 4511     |
| 10. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                  | 4530     |
| 11. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                              | 4690     |
| 12. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh        | 4759     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                                            | 4932(Chính) |
| 14. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4512        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. | 5229        |
| 16. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5510        |
| 17. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                    | 5610        |
| 18. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5820        |
| 19. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                         | 5621        |
| 20. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7920        |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5224        |
| 22. | Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6312        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                                                                                                                                      | 6209        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8220        |
| 25. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310        |
| 26. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4651        |
| 27. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4652        |
| 28. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                | 4741        |
| 29. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4742        |
| 30. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;<br>- Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động (Điều 27, Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013)                                | 6329        |
| 31. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                         | 4543        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Bán mô tô, xe máy<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4541 |
| 33. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4513 |
| 34. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet<br>- Dịch vụ thương mại điện tử (Điều 26, Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/05/2013)<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông (Điều 15, Luật viễn thông 2009 ngày 23/11/2009)<br>- Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (Điều 36, Luật viễn thông 2009 ngày 23/11/2009)                                                                                                     | 6190 |
| 35. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4520 |
| 36. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4542 |
| 37. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý; môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610 |
| 38. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                    | 4649 |
| 39. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659 |

**6. Vốn điều lệ:** 12.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CHU HỒNG TIỀN | Phòng 1203, Nhà A5, Làng QTTL, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 25,000    | 012870605                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                              | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ MẠNH HẢI   | Số 14, ngõ 43 phố Đồng Nhân, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 25,000    | B4201846                                                                                    |         |
|     |               |                                                                                              | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | ĐẬU HUY BÁCH  | Số 11B Nguyễn Siêu, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 600.000    | 6.000.000.000         | 50,000    | B6327918                                                                                    |         |
|     |               |                                                                                              | Tổng số           | 600.000    | 6.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ MẠNH HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/07/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B4201846

Ngày cấp: 15/06/2010

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14, ngõ 43 phố Đồng Nhân, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 23 ngõ 1 phố Thọ Lão, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội